

Số: 29/2020/QĐST- HNGĐ

*Tam Nông, ngày 11 tháng 6 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 39/2020/TLST- HNGĐ ngày 6 tháng 5 năm 2020 giữa:

*Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Thu H**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Xóm G, xã T, huyện T, tỉnh P.

*Bị đơn:* Anh **Hán Trọng T**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Khu 5, xã V, huyện T, tỉnh P.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Chính sách xã hội.

Địa chỉ: Số 169, phố L, phường P, quận H, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: **Ông Dương Quyết T** - Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Tuyết N**, Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Phạm Thị Thu H và anh Hán Trọng T.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

+ *Về con chung:* Giao con chung là cháu Hán Phạm Thu H, sinh ngày 29/3/2010 cho chị Phạm Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao con chung là cháu Hán Phúc H, sinh ngày 24/6/2013 cho anh Hán Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị H, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung của chị H, anh T.

+ *Về tài sản chung:* Chị H, anh T đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung:* Anh Hán Trọng T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện T số tiền nợ gốc + lãi tính đến ngày 29/5/2020 là: 62.152.877đ (Sáu mươi hai triệu một trăm năm mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng). Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật anh T không thực hiện nghĩa vụ trả

tiền thì anh T phải trả lãi theo quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

+ *Về công sức đóng góp*: Chị H, anh T đều xác nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

+ *Về án phí*: Chị Phạm Thị Thu H tự nguyện xin chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0002579 ngày 06/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, do ông Phạm Văn H nộp thay. Hoàn trả cho chị H 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Án phí dân sự trong vụ án Hôn nhân và gia đình: Anh Hán Trọng T phải chịu: 1.553.821đ (Một triệu năm trăm năm mươi ba nghìn tám trăm hai mươi một đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7,7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Tam Nông;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T, huyện T;
- Lưu HSVA.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Đăng Trình**